

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM

Noc lap – Toi do – Hanh phuc

-----ooOoo-----

Ten Cong ty nãi chung:

CONG TY CO PHAN XAY DONG VA THIET KE SO 1 (DECOFI)



Ma co phieu: DCF

BAO CAO THÖÔNG NIEN

Nam bao cao: 2016

BAO CAO THÔNG NIÊN

(Theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khai quát:

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1
- Tên tiếng Anh : Design and Construction Joint Stock Company No.1
- Tên viết tắt : DECOFI
- Mã chứng khoán : DCF
- Logo :



- :
- Vốn Điều lệ đăng ký : 48.805.300.000 đồng
- Vốn Điều lệ thực góp: 48.805.300.000 đồng
- Trụ sở chính : số 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại : 083.8.230276
- Số Fax : 083.8.225050
- Email : banthuky@decofi.vn
- Website : www.decofi.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0301248798 do Sở KH&ĐT TpHCM cấp lần đầu ngày 14/07/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30/06/2016.
- Quá trình hình thành và phát triển

* Tiền thân của DECOFI là Xí nghiệp khảo sát Thiết kế và Xây dựng Dầu tằm được thành lập ngày 12/09/1990.

* Ngày 31/12/1992 đổi tên Xí nghiệp khảo sát thiết kế và xây dựng Dầu tằm thành Công ty khảo sát thiết kế và xây dựng Dầu tằm.

* Ngày 21/11/1994 đổi tên Công ty khảo sát thiết kế và xây dựng Dầu tằm thành Công ty xây dựng và thiết kế Số 1, là doanh nghiệp hạng I, trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn.

* Năm 2003, thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Công ty xây dựng và thiết kế Số 1 chuyển đổi thành Công ty cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 (DECOFI) – theo quyết định số 792/QĐ/BNN-TCCB ngày 21/03/2003 - Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn giữ 10% vốn cổ phần.

* Năm 2005, Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn và Bộ Tài chính đã thực hiện đưa giá ra công chúng để bán hết 10% vốn nhà nước tiếp đến.

* Năm 2007, DECOFI thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1, tại ấp Bà Tri, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quyết định số 5737/QĐ-UBND ngày 25/12/2007,

* Công ty đã đăng ký và trở thành Công ty Đại chúng từ ngày 12/05/2007.

* Năm 2012, DECOFI thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng và Kĩ thuật thép Hoàng Phú theo quyết định số 17/2012/QĐ-HC/HĐQT ngày 09/07/2012, DECOFI sở hữu 100% vốn.

* Năm 2013, DECOFI thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp và thành lập thêm 2 công ty thành viên, DECOFI sở hữu 100% vốn:

- Công ty TNHH MTV Xây dựng Phúc An Thịnh theo quyết định số 18/2013/QĐ-HC/HĐQT ngày 14/11/2013.

- Công ty TNHH MTV Xây dựng Decofi – Hoàng Ân theo quyết định số 17/2013/QĐ-HC/HĐQT ngày 14/11/2013.

* Năm 2014 Đăng ký công khai và đăng ký mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2014.

- Quá trình tăng vốn:

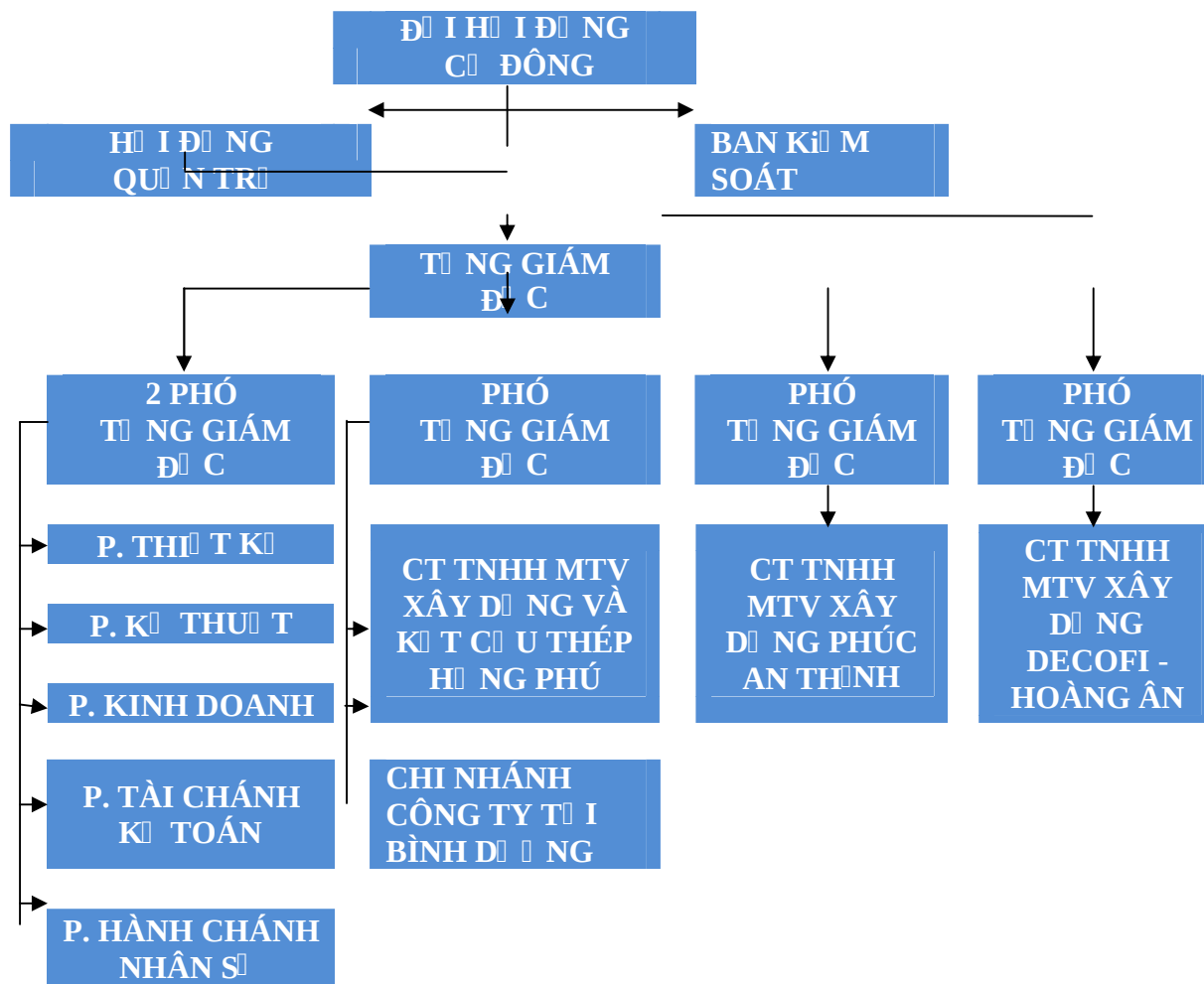
	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn Điều lệ sau phát hành	Cơ sở pháp lý và hình thức phát hành
Ban đầu	21.03.2003		22.690.000.000	QĐ thành lập số 792/QĐ/BNN-TCCB ngày 21.03.2003
Lần 1	12.08.2005	6.115.300.000	28.805.300.000	Quyết định số 10/2005/QĐ-TC/HĐQT theo Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tiếp bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
Lần 2	01.10.2005	10.031.500.000	38.836.800.000	Quyết định số 08/2005/QĐ-TC/HĐQT ngày 09/08/2005 về việc phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đề bổ sung vốn SXKD; Quyết định số 13/2005/QĐ-TC/HĐQT ngày 01/10/2005 về việc tăng vốn phát hành cổ phiếu
Lần 3	27.03.2008	9.968.500.000	48.805.300.000	Quyết định số 07/2008/QĐ-TC/HĐQT ngày 27/03/2008 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tiếp bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

* Ngành nghề kinh doanh chính: Thi công, thi công các công trình dân dụng và công nghiệp
Đã đăng ký công khai và đăng ký mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2014.

* Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu tập trung ở Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và các tỉnh khác trong phạm vi cạnh tranh.

3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty:



Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, bổ sung sửa đổi Điều lệ của Công ty, ... theo quy định tại Điều lệ. Đại hội cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc (TGD) điều hành và những người khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban Kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban TGD.

Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc điều hành Công ty là người đại diện Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. TGD điều hành do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. TGD điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc:

Các Phó TGD giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của TGD điều hành, chịu trách nhiệm trước TGD điều hành Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Các Phòng chức năng:

Do HĐQT thành lập trên cơ sở đề nghị của TGD điều hành, các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho TGD điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của Phòng, đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

Các Công ty TNHH mới thành viên:

Do HĐQT thành lập theo nhu cầu phát triển của Công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh độc lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, HĐQT quyết định công ty đại diện là Chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật, Chủ sở hữu tại Công ty TNHH MTV phải chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi nhánh Công ty:

Do HĐQT thành lập theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, là đơn vị hạch toán phụ thuộc, thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của TGD điều hành, chịu trách nhiệm trước TGD điều hành Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Các đối tượng công tác trực thuộc:

Công ty có các đối tượng công tác trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ được TGD điều hành giao việc theo nhu cầu sản xuất kinh doanh từng thời điểm.

b+ Các nền vò trốc thuộc Công ty:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1

Nhà máy sản xuất xi măng tại nông trường 423 khu phố Ba Tri, phường Tân Hiệp, thị trấn Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Ngành nghề chủ yếu: nhà máy sản xuất lò hơi thép hàn, sản xuất các loại cửa sắt và thi công hệ thống nện...

Hình thức hoạt động: hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ.

c+ Cac Cong ty con va Cong ty lien ket :

1. Cong ty TNHH Mot thanh vien Xay dong va Ket cau thep Hong Phu

Tru so : 28 Mac Nhon Chi, Quan 1 , TP.Ho Chi Minh

Von nien le thoc gop nien ngay 31/12/2016 la 15.000.000.000 dong

Nganh nghe chu yeu: thi cong xay lap, san xuat ket cau thep xay dong, thiet ke thi cong he thong nien ...

Ty le so huu cua Cong ty me : 100%

2. Cong ty TNHH Mot thanh vien Xay dong Phuc An Thonh

Tru so : 28 Mac Nhon Chi, P.NaKao, Quan 1, TP. Ho Chi Minh.

Von nien le thoc gop nien ngay 31/12/2016 la 15.000.000.000 dong

Nganh nghe chu yeu: thi cong xay lap cac cong trinh...

Ty le so huu cua Cong ty me : 100%

3. Cong ty TNHH Mot thanh vien Xay dong DECOFI – Hoang An

Tru so : 28 Mac Nhon Chi, P.NaKao, Quan 1, TP. Ho Chi Minh.

Von nien le thoc gop nien ngay 31/12/2016 la 15.000.000.000 dong

Nganh nghe chu yeu: thi cong xay lap, thiet ke thi cong he thong cap thoat nroc va he thong phong chay chóa chay cac cong trinh.

Ty le so huu cua Cong ty me : 100%

4. Nhin hong phat trien:

- Cac muc tieu chu yeu cua Cong ty: tan dung toi nia tiem loc san co cua Cong ty, tong boc kien toan va van hanh bo may quan ly, nap ong nroc cac yeu cau ngay cang khac khe cua Chu niau to: giam gia thanh, nay nhanh tien nro thi cong va quan ly tot chat lrong cong trinh.

- Chien lroc phat trien trung va dai han cua Cong ty: niau to may moc thiet bo, cong cu dung cu va tao nien kien cho ngoi lao nrong hoc hoi va sang tao, phat huy het nang loc cua minh to khai thiet ke nien thi cong, tong boc giam so dung nhan cong thu cong bang cach co gioi hoa, co khi hoa tong cong nroan thi cong nro tang nang loc canh tranh cua Cong ty.

- Cac muc tieu phat trien ben vong: luon luon gio uy tin voi nha niau to trong tong hop nrong giao nhan thau thiet ke thi cong, moi quyet nro niau to nien nien hanh san xuat kinh doanh phai can nhac tren co so an toan von cho co nrong, tao cong an viec lam cho ngoi lao nrong va tích luy nro Cong ty ngay cang phat trien.

- Cac muc tieu noi voi moi troong va xa hoi va cong nrong cua Cong ty, nganh nghe san xuat kinh doanh chinh cua Cong ty la thiet ke thi cong theo do an Chu niau to nrooc duyiet va cac quy nroon hien hanh cua Luat Xay dong, chinh vi tinh nac thu cua nganh xay dong, Cong ty luon co y thoc trong viec chap hanh cac quy nroon ve quan ly nguon vat lieu, tieu thu nang lrong, tieu thu nroc,

tuan thu ve phap luat bao ve moi trường, các chính sách liên quan đến người lao động, các chính sách liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội...

5. Các rủi ro :

Anh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và việc thực hiện các mục tiêu của Công ty nhiều nhất là nhu cầu đầu tư và mở rộng nhà xưởng sản xuất trong các khu chức năng, khu công nghiệp của các Chủ đầu tư ngoài thị trường; Bên cạnh đó, việc hiệu quả tiến độ, quản lý chi phí và chất lượng thi công trong quá trình thực hiện hợp đồng cũng mang tính chất quyết định đến uy tín và giá trị thương hiệu của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh có qua nhiều Công ty xây dựng nên việc cạnh tranh trong thị trường xây dựng rất khốc liệt, năm 2016 Công ty đã thực hiện được những kết quả nhất định là nhờ vào sự cố gắng của toàn thể người lao động và sự hiệu quả sau sát của Ban Tổng Giám đốc.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Nhìn chung, Công ty đã đạt được những chỉ tiêu kế hoạch được đề ra trong kỳ báo cáo qua ngày 29/04/2016.

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ hoàn thành
Doanh thu	350.000.000.000	350.716.764.752	Vượt kế hoạch
Lợi nhuận sau thuế	6.500.000.000	7.685.451.148	Vượt kế hoạch

2. Tổ chức nhân sự

a- Danh sách Ban hiệu quả:

+ Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Danh sách Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và năm giờ cổ phần của tổng thành viên:

Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Số CP giữ cuối năm	Tỷ lệ % trên Tổng số cổ phần
1. Ông Trần Năng Phan	Tổng Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng	264.493	5,42%
2. Ông Lê Chí Chuan	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng	611.838	12,54%
3. Ông Lê Ninh Huệ	Phó Tổng Giám đốc	Cố nhân kinh tế	104.769	2,15%
4. Ông Lê Năng Chí Dung	Phó Tổng Giám đốc	CN KT Niên	553.365	11,34%
5. Ông Hoàng Vũ Nhân	Phó Tổng Giám đốc	TCCap thoát nước	531.373	10,89%
6. Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	Kiên Trục Sở	0	0%
7. Bà Nguyễn Trúc Mai	Kế toán trưởng	Cố nhân kinh tế	16.701	0.34%

+ Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ông Hoàng Vũ Nhân - Phó Tổng Giám đốc, nghỉ hưu theo chế độ ngày 01/12/2016.

b- Số lượng cán bộ nhân viên bình quân trong năm :

Tổng số cán bộ nhân viên bình quân trong năm : 133 người

Trong đó : trình độ Đại học và trên Đại học 77 người; Cao đẳng, Trung cấp 20 người; cán bộ kỹ thuật và nhân viên khác 36 người.

- Chính sách tiền lương, tiền thưởng nội với người lao động vận dụng theo quy chế trả lương, thang bảng lương và quy chế làm việc của Công ty đã đăng ký và được sở chấp thuận của Sở Lao động và Thương binh xã hội TP.Hồ Chí Minh.

- Công ty luôn trang bị đầy đủ bảo hộ và công cụ dụng cụ an toàn lao động, đảm bảo vận hành an toàn cho người lao động, thông xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ và thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động.

- Hàng năm, Công ty luôn tổ chức phân loại nhân viên và hàng năm thực hiện công tác xem xét nâng lương theo hệ thống thang bảng lương đã đăng ký, tạo điều kiện cho người lao động học tập, nâng cao và phát triển kỹ năng, phát triển năng lực làm việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a- Các khoản đầu tư lớn: không

b- Các Công ty con, số liệu về hoạt động, tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh:

Nhìn chung các Công ty con hoạt động có lãi và bảo toàn vốn, vì tính chất hạch toán độc lập nên việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh từng Công ty có phương án độc thù riêng, cụ thể là:

a. Công ty TNHH MTV Xây dựng và Kết cấu thép Hoàng Phú: hoạt động chủ yếu là sản xuất lắp đặt kết cấu thép (vì kèo, xà gồ, cửa sắt...) và dịch vụ công nghiệp cho các công trình xây dựng.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2016	2015	% 2016/2015
Tổng doanh thu	60.831.596.523	71.053.333.519	85,61%
Doanh thu thuần	60.831.596.523	71.053.333.519	85,61%
Trong đó doanh thu từ tìm kiếm	7.905.583.523	8.041.131.619	98,31%
Lợi nhuận gộp	3.990.849.087	4.284.480.057	93,15%
Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	6,56%	6,03%	
Chi phí quản lý	2.766.781.426	2.676.154.092	103,39%
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	1.247.237.919	1.623.855.334	76,81%
Lãi khác	332.899.908	186.353.725	178,64%
Lợi nhuận trước thuế	1.580.137.827	1.810.209.059	87,29%
Lợi nhuận sau thuế	1.263.974.243	1.410.853.971	89,59%

Công ty đã tìm kiếm và hoàn thành với doanh thu 7.905.583.523 đồng, năm 2016 doanh thu chiếm 85,61% so với năm 2015, tổng lợi nhuận gộp tăng do quản lý giảm chi phí sản xuất tiếp thị Nhà máy kết cấu thép, chi phí quản lý tăng nhẹ tổng lợi nhuận sau thuế trên doanh thu năm 2016 là 2,08% tăng so với năm 2015 (1,99%).

b. Công ty TNHH MTV Xây dựng Phúc An Thịnh: hoạt động chủ yếu là xây lắp.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2016	2015	% 2016/2015
Tổng doanh thu	157,503,240,719	123,809,766,383	127.21%
Doanh thu thuần	157,503,240,719	123,809,766,383	127.21%
Trong đó doanh thu tìm kiếm	8,470,691,800	32,386,150,773	26.16%
Lợi nhuận gộp	13,616,292,417	10,137,793,221	134.31%
Tổng lợi nhuận gộp/doanh thu	8.65%	8.19%	
Chi phí quản lý	11,689,544,367	8,116,374,319	144.02%
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	1,932,876,313	2,216,019,955	87.22%
Lãi khác	1,221,259,398	639,480,084	190.98%
Lợi nhuận trước thuế	3,154,135,711	2,855,500,039	110.46%
Lợi nhuận sau thuế	2,523,308,569	2,227,290,030	113.29%

Doanh thu tăng 27,21% so với năm 2015, Công ty đã tìm kiếm và hoàn thành với doanh thu 8.470.691.800 đồng, quản lý giảm chi phí tiếp thị công trình công trình. Nhẹ chi phí quản lý tăng 3.573.170.048 đồng, so với năm trước tăng 44,02% trong khi doanh thu chiếm 27,21%. Nguyên nhân tăng, một phần là do Công ty có nhiều việc như đang trong quá trình cải tạo nhà xưởng, việc tuyển dụng, thuê việc và cho thuê việc nhiều người làm cho chi phí nhân viên quản lý tăng 2.838.644.326 đồng; Nhìn chung, chi phí quản lý tăng cao hơn so với mức tăng giá trị sản phẩm.

c. Công ty TNHH MTV Xây dựng DECOFI – Hoàng Ân: hoạt động chủ yếu là xây lắp, cấp thoát nước và Phòng cháy chữa cháy.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2016	2015	% 2016/2015
Tổng doanh thu	79.841.009.247	91.899.264.686	86,88%
Doanh thu thuần	79.841.009.247	91.899.264.686	86,88%
Lợi nhuận gộp	7.226.773.237	6.930.250.745	104,28%
Tổng lợi nhuận gộp/doanh thu	9,05%	7,54%	
Chi phí quản lý	5.329.047.942	5.756.173.934	92,58%
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	1.901.853.235	1.180.382.719	161,12%
Lãi khác	8.894.642	906.205.926	0,98%
Lợi nhuận trước thuế	1.910.747.877	2.086.588.645	91,57%
Lợi nhuận sau thuế	1.492.331.586	1.627.539.143	91,69%

Doanh thu năm 2016 chiếm 86,88% năm 2015, quản lý giảm chi phí tiếp thị công trình nên lợi nhuận gộp tăng, chi phí quản lý không thay đổi theo doanh thu, tuy nhiên vốn đầu tư tổng lợi nhuận trên doanh thu cao hơn năm 2015.

4. Tình hình tài chính – số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất toàn Công ty
Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2016	2015	% 2016/2015
Tổng giá trị tài sản	170.690.397.423	191.130.279.081	89,31%
Tổng doanh thu	350.716.764.752	311.924.071.924	112,44%
Doanh thu thuần	350.716.764.752	311.924.071.924	112,44%
Lãi nhuận gộp	42.115.425.640	36.194.896.803	116,36%
Tỷ suất lãi nhuận gộp/doanh thu	12,01%	11,60%	
Doanh thu hoạt động tài chính	355.193.758	381.872.437	93,01%
Chi phí lãi vay	2.923.872.774	3.629.792.415	80,55%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.092.687.217	28.393.466.249	113,03%
Lãi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.454.059.407	4.553.510.576	163,70%
Lãi khác	2.208.219.841	3.367.557.089	65,57%
Lãi nhuận trước thuế	9.662.279.248	7.921.067.665	121,98%
Lãi nhuận sau thuế	7.685.451.148	6.122.575.554	125,53%
Lãi cổ đông trên cổ phiếu	1.339	1.066	125,53%
(đã trừ 15% quỹ KT, PL)			
Tổng lãi nhuận trước thuế	ĐHĐ cổ đông QĐ	79,71%	

Doanh thu trong năm 2016 tăng 12,44% so với năm 2015, tỷ suất lãi nhuận gộp trên doanh thu tăng, chi phí lãi vay giảm, nhúng chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 3.699.220.968 đồng (riêng tiền thuế nhà và Công ty quản lý kinh doanh nhà TpHCM năm 2016 phải trả 1.206 triệu đồng, năm 2015 chỉ có 552 triệu đồng, tăng 654 triệu đồng); Nhìn chung, lãi nhuận thuần tăng, tỷ suất lãi nhuận sau thuế trên doanh thu tăng so với năm 2015.

Khả năng thanh toán, chỉ số vốn, chỉ số tài sản và năng lực hoạt động

Chỉ tiêu	2016	2015
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,66	1,48
(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)		
Hệ số thanh toán nhanh	1,45	1,11
(TSLĐ-hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)		
Hệ số nợ / tổng tài sản	0,47	0,54
Hệ số nợ vay / vốn chủ sở hữu	0,17	0,41
Tài sản lưu động/tổng tài sản	0,78	0,79
Tài sản cố định/tổng tài sản	0,22	0,21
Vòng quay hàng tồn kho	11,33	8,22
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)		
Doanh thu thuần/tổng tài sản	2,05	1,63

Công ty đảm bảo khả năng thanh toán, có vốn có biên độ tăng tại thời điểm này: các khoản nợ giảm do vòng quay hàng tồn kho nhanh hơn năm trước.

Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	2016	2015
Tỷ suất LN sau thuế /DT thu nhập	2,19%	1,96%
Tỷ suất LN sau thuế /Vốn CSH	8,48%	6,90%
Tỷ suất LN sau thuế /Tổng Tài sản	4,50%	3,20%
Tỷ suất LN trước thuế /DT thu nhập	2,76%	2,54%

Nhìn chung, khả năng sinh lời của Công ty đều cao hơn năm trước.

5. Cấu trúc vốn, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần: 4.880.530 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

b) Cấu trúc vốn tại thời điểm ngày 03/01/2017: tổng số 211 cổ đông

- Cổ đông Nhà nước : không

- Cổ đông là pháp nhân: 2 nhân vật, số hữu 55.860 cổ phần, chiếm 1,14%

- Cổ đông là cá nhân: 209 người, số hữu 4.824.670 cổ phần, chiếm 98,86%

Trong đó: Là người nước ngoài 2 người, số hữu 15.080 cổ phần, chiếm 0,31%

Thông tin về cổ đông nước ngoài: 2 cổ đông

1. Tên cổ đông: Mr August Christopher Meyer

Quốc tịch: Mỹ

Nơi cư trú: Hialf Moon Bay Villas ST Kitts

Số vốn cổ phần số hữu: 12.567 cổ phần

Tỷ lệ số hữu: 0,26%

2. Tên cổ đông: Damon Tran

Quốc tịch: Việt

Nơi cư trú: Chung cư Khanh Hoi 5-4 Ben Van Nhon, Quận 4 –TP.HCM

Số vốn cổ phần số hữu: 2.513 cổ phần

Tỷ lệ số hữu: 0,05%

+ Cổ đông lớn - nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần trở lên:

5 cổ đông, số hữu 2.269.784 cổ phần, chiếm 46,51%, cụ thể là:

- Ông Lê Chí Chuan số hữu 611.838 cổ phần, chiếm 12,54%

- Ông Lê Năng Chí Dung số hữu 553.365 cổ phần, chiếm 11,34%

- Ông Hoàng Vũ Nhan số hữu 531.373 cổ phần, chiếm 10,89%

- Ong Ninh Xuan Gach số hữu 308.715 co phan, chiem 6,33%
- Ong Tran Nang Phan số hữu 264.493 co phan, chiem 5,42%
- + Co ñong nam giò tò 1% ñen 5% tong so co phan:
10 co ñong, số hữu 955.618 co phan, chiem 19,58%
- + Co ñong nam giò ñôi 1% tong so co phan:
196 co ñong, số hữu 1.655.128 co phan, chiem 33,91%

c) Tình hình thay ñổi von ñau tò của chu số hữu: không

d) Giao ñich co phieu quy: không

e) Các chống khoan khác: không

III. BAO CAO VA ÑANH GIA CUA BAN GIAM ÑOC

1. Ñanh gia ket qua hoạt ñong san xuat kinh doanh:

Ve mat tong quan, trong năm 2016 Cong ty ña hoan thanh ñiêu ke hoạch ñe ra, các Cong ty thanh vien ña ñat ñiêu ñiêu tien bo trong viec ñieu hanh san xuat kinh doanh, nhan thau ñiêu các cong trình ben ngoai, tổng bóc sập xep va van hanh bo may theo yeu cau cong viec. Tuy nhien, vì c quĩn lý chi phí, tien ño va chat lợng thi cong cĩn phĩi ñĩy mĩnh hĩn nĩ a ñĩ nâng cao hieu qua san xuat kinh doanh.

2. Tình hình tai chính

+ Tình hình tai san: trong nam Cong ty không mua sam them tai san; Do ña mua sam kha lau, hien co nhieu tai san het khau hao van ñang tan dung số dung, không bien ñong ve tai san.

+ Tình hình nô phải tra: nô hien tai của Cong ty thap hõn cung ky nam trõc. Nhìn chung Cong ty không co bien ñong lõn ve các khoan nô va không xuat hien nô xau.

3. Những cai tien ve cô cau to chõc, chính sach, quan ly:

Nam 2016 la nam thõ ba Cong ty chuyen ñoi sang mo hình quan ly Cong ty me - Cong ty con. Trong nam Cong ty chĩ giam sat thõc hien, không thay ñoi ve cô cau to chõc, chính sach quan ly ñoi vôi các Cong ty con.

4. Ke hoạch phát trien trong tõng lai:

Xay ñong các cong trình cong nghiep van chiem vò trí chu lõc trong gia trò san lợng của Cong ty ñe tích luy, mua sam tai san can thiet va tổng bóc nhan thau các cong trình dan dung va nha cao tang.

5. Giai trình của Ban Tong Giam ñoc ñoi vôi y kien kiem toan: không, y kiĩn kiĩm toán chĩp nhĩn toàn phĩn.

IV. NĂNG GIA CỦA HỘI NÔNG QUAN TRÒ VE HOẠT NÔNG CỦA CÔNG TY

1. Năng gia của HÑQT ve các mặt hoạt nông của Công ty:

Kết quả sản xuất kinh doanh: Doanh thu và lợi nhuận đạt được kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đưa ra.

Việc chấp hành các quy định chính sách của nhà nước: Công ty thực hiện tốt các quy định liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước đồng thời thực hiện tốt các quy định liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

2. Năng gia của HÑQT ve hoạt nông của Ban Tổng Giám đốc:

Với đó bên, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch, nền hõng của HÑQT:

Tồn đọng và khai thác triệt để tiềm lực hiện có của Công ty với mối quan hệ với các Chủ đầu tư, đối tác, nhà xấp ng và đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm;

Ngày càng hoàn thiện công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, các công cụ quản lý và đào tạo, nâng cao năng suất làm việc của người lao động, để Công ty có tích lũy, đầu tư chi sâu, mở rộng sản xuất và nâng cao thu nhập cho cổ đông và người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội nông quan trò và nam giới cơ phan của tổng thành viên:

Họ và tên	Chức danh	Tham gia năm hạnh/khong năm hạnh	Số CP giới cuối năm	Tỷ lệ % trên Tổng số cổ phan
1. Ông Trần Năng Phan	- Chủ tịch HÑQT	Năm hạnh	264.493	5,42%
2. Ông Lê Chí Chuan	- Phó Chủ tịch HÑQT	Năm hạnh	611.838	12,54%
3. Ông Lê Ninh Hue	- Thành viên HÑQT	Năm hạnh	104.769	2,15%
4. Ông Lê Năng Chí Dung	- Thành viên HÑQT	Năm hạnh	553.365	11,34%
5. Ông Ninh Xuan Gach	- Thành viên HÑQT	Khong năm hạnh	308.715	6,33%

b. Các tiêu ban thu của Hội đồng quản trị: không

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thống kê xuyên giám sát và phê duyệt chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm, có những biên bản cuộc họp và nghị quyết sau:

Ngày	Nội dung	Thành viên HĐQT tham dự	Hình thức ra văn bản
05/01/2016	Chi tiêu ngân sách đề xuất 1 năm 2015	5/5	Biên bản họp
29/03/2016	Tổng kết KQ SXKD 2015 và KH 2016 trình ĐH ĐNG của đồng	5/5	Biên bản họp
04/05/2016	Phân phối lợi nhuận năm 2015 của các Cty con và Cty mẹ	5/5	Biên bản họp
15/07/2016	Hoạch định đội ngũ Nhân sự lãnh đạo Công ty	5/5	Biên bản họp
03/08/2016	Mở hòm mail tín dụng và thanh toán tài sản và Ngân hàng	5/5	Biên bản họp Nghị quyết 01/NQ/2016/HĐQT ngày 04/08/2016
27/09/2016	Triển khai thực hiện đăng ký giao dịch công phiêu trên sàn UPCOM	5/5	Nghị quyết 02/NQ/2016/HĐQT ngày 27/09/2016
21/11/2016	Nhân sự chấp thuận tài chính Cty TNHH MTV Hoàng Ân	5/5	Biên bản họp Nghị quyết 03/NQ/2016/HĐQT ngày 22/11/2016
27/12/2016	Chi tiêu ngân sách đề xuất 1 năm 2016	5/5	Biên bản họp

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chức năng chấp đạo đạo và quản trị Công ty:

2. Ban Kiểm Soát

a. Thành viên và chức vụ Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát và nam giới có phần của thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Số CP giữ cuối năm	Tỷ lệ % trên Tổng số cơ phần
1.Huỳnh Nỗc Phát	Trưởng BKS	Cổ nhân kinh tế	8.294	0,17%
2.Le Trung Hieu	Thành viên	Cổ nhân kinh tế	7.854	0,16%
3.Hoàng Thò Minh Bạc	Thành viên	Cổ nhân kinh tế	34.898	0,72%

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát: thống kê xuyên giám sát mọi hoạt động của Công ty mẹ và các Công ty con trong việc chấp hành các nội quy, quy chế và Điều lệ của Công ty, cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Họ và tên	Chức danh	Lương thưởng trong năm 2016 (đồng)	Thù lao, lợi ích khác
1. Ông Trần Năng Phan	- Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	586.388.456	không
2. Ông Lê Chí Chuan	- Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Phúc An Thành	469.378.676	không
3. Ông Lê Năng Chí Dung	- Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Hồng Phú. - Giám đốc Chi nhánh BD	373.459.616	không
4. Ông Ninh Xuân Gach	- Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty Hoàng An	182.532.705	không
5. Ông Hoàng Vũ Nhan	- Phó Tổng Giám đốc - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Hoàng An	434.886.938	không
6. Ông Nguyễn Hoài Nam	- Phó Tổng Giám đốc	443.433.426	không
7. Ông Lỗ Ninh Huệ	- Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	467.939.102	không
8. Bà Nguyễn Trúc Mai	Kế toán trưởng	329.930.240	không
9. Ông Huỳnh Ngọc Phát	Trưởng Ban kiểm soát	235.855.000	không
10. Ông Lê Trung Hiếu	Thành viên BKS	235.100.032	không
11. Bà Hoàng Minh Bắc	Thành viên BKS	245.381.700	không

b. Giao dịch có phải là giao dịch có liên quan: không

c. Hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ có liên quan: không

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty luôn tuân thủ các quy định hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Y kiến kiểm toán: chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính của Công ty.
- Báo cáo tài chính hợp lệ và Báo cáo tài chính riêng hợp lệ đã được kiểm toán.

Quý cô quan niên vò, các Quý cơ nông và nhà đầu tư vui lòng lên trang web của Công ty: www.decofi.vn để xem toàn văn báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016.

Tran trong!

Số : 143/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính năm 2016
của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1

Kính gửi:

Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1, được lập ngày 22/03/2017, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ke toán và Kiểm t

05213884-QC

Phó Giám đốc

CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

DỊCH VỤ TƯ VẤN

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

VÀ KIỂM TOÁN

NAM VIỆT

M.S.D.N. 05213884-QC

QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2013-152-1

3052
C
RACH
DICH
I CH
VÀ B
NA
7-7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		114.663.694.176	102.431.341.240
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.715.971.185	2.685.020.557
1. Tiền	111		315.971.185	1.285.020.557
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.400.000.000	1.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.773.220.513	87.457.401.126
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	77.571.366.672	87.333.959.890
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	693.000	1.911.698.695
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	44.458.818	55.040.518
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.843.297.977)	(1.843.297.977)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	641.612.146	4.870.270.573
1. Hàng tồn kho	141		833.984.637	4.870.270.573
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(192.372.491)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.532.890.332	7.418.648.984
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	6.427.600	106.708.471
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.526.462.732	7.155.298.417
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	156.642.096
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.173.992.622	74.582.613.930
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000	35.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	35.000.000	35.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
II. Tài sản cố định	220		28.138.992.622	29.547.613.930
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	19.547.571.085	20.734.520.593
- Nguyên giá	222		35.330.145.811	35.330.145.811
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(15.782.574.726)	(14.595.625.218)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8.591.421.537	8.813.093.337
- Nguyên giá	228		10.872.170.889	10.872.170.889
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.280.749.352)	(2.059.077.552)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		45.000.000.000	45.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	45.000.000.000	45.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		187.837.686.798	177.013.955.170

CHỖ
THAM
VẤN
TOÁN
SẢN
TÀI
CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		102.645.523.765	93.520.000.495
I. Nợ ngắn hạn	310		102.645.523.765	93.520.000.495
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	70.215.360.827	32.755.491.811
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	3.958.752.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	486.827.693	1.012.990.732
4. Phải trả người lao động	314		1.176.157.098	1.074.660.414
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.102.176.119	1.209.191.114
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.267.269.916	19.422.253.461
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	15.541.618.300	36.064.250.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	3.678.309.824	1.460.054.836
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		219.051.988	521.108.127
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		85.192.163.033	83.493.954.675
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	85.192.163.033	83.493.954.675
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.805.300.000	48.805.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		48.805.300.000	48.805.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411		-	-
	a			
	b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

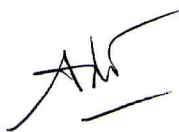
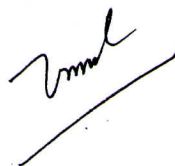
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.981.026.283	33.831.762.265
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.405.836.750	856.892.410
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.301.435.469)	(1.688.076.352)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.707.272.219	2.544.968.762
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		187.837.686.798	177.013.955.170

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Anh Dũng

Nguyễn Trúc Mai

Trần Đăng Phan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	340.111.596.748	281.383.086.890
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		340.111.596.748	281.383.086.890
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	322.830.085.849	266.540.714.110
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.281.510.899	14.842.372.780
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.581.401.212	1.819.212.099
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.882.071.220	3.595.492.055
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.882.071.220	3.595.492.055
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	12.307.313.482	11.844.763.904
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.673.527.409	1.221.328.920
11. Thu nhập khác	31	VI.6	656.052.144	1.685.597.921
12. Chi phí khác	32	VI.7	10.886.251	50.080.567
13. Lợi nhuận khác	40		645.165.893	1.635.517.354
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.318.693.302	2.856.846.274
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	611.421.083	311.877.512
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.707.272.219	2.544.968.762

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Giám đốc

(Signature)

(Signature)

Nguyễn Anh Dũng

Nguyễn Trúc Mai

Trần Đăng Phan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.318.693.302	2.856.846.274
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.408.621.308	1.410.693.644
- Các khoản dự phòng	03		2.410.627.479	(1.085.750.469)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(233.127)	(1.069.460)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.581.168.085)	(1.818.142.639)
- Chi phí lãi vay	06		2.882.071.220	3.595.492.055
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.438.612.097	4.958.069.405
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.469.658.394	(19.022.050.219)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.036.285.936	(3.540.202.135)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		27.088.135.113	8.158.630.152
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		100.280.871	213.315.954
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.882.071.220)	(3.595.492.055)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.625.000)	(1.411.203.525)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(430.590.000)	(308.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		45.814.686.191	(14.547.232.423)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(48.181.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.111.795.470)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.581.168.085	1.818.142.639
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.581.168.085	(4.341.834.649)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		107.476.729.295	136.645.038.101
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(127.999.360.995)	(122.068.148.342)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.842.505.075)	(4.660.155.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.365.136.775)	9.916.734.759
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		25.030.717.501	(8.972.332.313)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.685.020.557	11.656.283.410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		233.127	1.069.460
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	27.715.971.185	2.685.020.557

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Dũng

Nguyễn Trúc Mai

Trần Đăng Phan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Số : 144/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016
của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 và các công ty con*

Kính gửi:

**Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22/03/2017, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2016 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết kế số 1 và các công ty con tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2016 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**



Cao Thị Hồng Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2013-152-1

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		133.131.662.225	151.014.339.929
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.024.145.832	11.060.343.892
1. Tiền	111		1.624.145.832	8.660.343.892
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.400.000.000	2.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		77.277.266.834	92.449.346.340
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	78.915.584.368	92.790.980.873
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		116.380.400	483.967.825
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	88.600.043	1.017.695.619
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.843.297.977)	(1.843.297.977)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	16.924.484.969	37.563.466.864
1. Hàng tồn kho	141		17.116.857.460	37.563.466.864
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(192.372.491)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.905.764.590	9.941.182.833
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	3.831.582.773	2.785.884.416
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.074.181.817	7.155.298.417
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.558.735.198	40.115.939.152
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.000.000	35.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	35.000.000	35.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

138.
NG
TĐM
VỤ T
NH
TĐM
M V
P. F

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
II. Tài sản cố định	220		37.523.735.198	40.080.939.152
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	28.861.855.338	31.187.887.488
- Nguyên giá	222		51.473.157.757	51.473.157.757
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.611.302.419)	(20.285.270.269)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	8.661.879.860	8.893.051.664
- Nguyên giá	228		10.967.170.889	10.967.170.889
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.305.291.029)	(2.074.119.225)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		170.690.397.423	191.130.279.081

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP. HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.040.460.232	102.365.051.731
I. Nợ ngắn hạn	310		79.964.260.232	102.068.051.731
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	41.429.594.389	30.384.391.233
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	3.958.752.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.515.683.734	4.172.181.873
4. Phải trả người lao động	314		3.354.721.833	3.010.721.006
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.132.176.119	4.041.323.796
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	5.268.600.675	19.513.471.826
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8	15.762.418.300	36.285.050.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.14	6.316.955.073	4.139.725.195
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		225.358.109	521.186.802
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		76.200.000	297.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.8	76.200.000	297.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.649.937.191	88.765.227.350
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	90.649.937.191	88.765.227.350
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.805.300.000	48.805.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.805.300.000	48.805.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP. HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.479.163.237	34.155.504.016
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.365.473.954	5.804.423.334
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.365.473.954	5.804.423.334
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		170.690.397.423	191.130.279.081

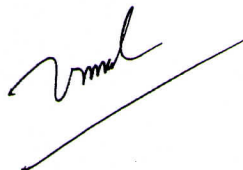
Người lập biểu



Nguyễn Anh Dũng

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng



Nguyễn Trúc Mai



Trần Đăng Phan

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ SỐ 1 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP. HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

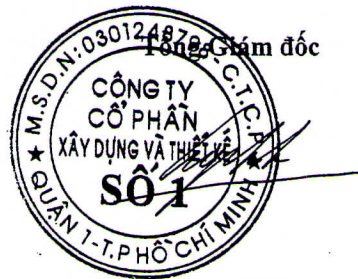
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	350.716.764.752	311.924.071.924
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		350.716.764.752	311.924.071.924
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	308.601.339.112	275.729.175.121
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.115.425.640	36.194.896.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	355.193.758	381.872.437
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.923.872.774	3.629.792.415
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.923.872.774	3.629.792.415
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	32.092.687.217	28.393.466.249
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.454.059.407	4.553.510.576
12. Thu nhập khác	31	VI.6	2.362.623.765	3.422.686.744
13. Chi phí khác	32	VI.7	154.403.924	55.129.655
14. Lợi nhuận khác	40		2.208.219.841	3.367.557.089
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.662.279.248	7.921.067.665
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.976.828.100	1.798.492.111
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế	60		7.685.451.148	6.122.575.554
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		7.685.451.148	6.122.575.554
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.339	1.066
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.339	1.066

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Dũng

Nguyễn Trúc Mai

Trần Đăng Phan

Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.662.279.248	7.921.067.665
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.557.203.954	2.348.259.635
- Các khoản dự phòng	03		2.369.602.369	(504.923.653)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(233.127)	(1.069.460)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(354.960.631)	(380.802.977)
- Chi phí lãi vay	06		2.923.872.774	3.629.792.415
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.157.764.587	13.012.323.625
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.253.196.106	(18.389.221.592)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.446.609.404	(8.040.254.058)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.930.590.000)	13.980.547.022
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.045.698.357)	2.396.646.732
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.923.872.774)	(3.629.792.415)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.546.824.009)	(2.372.793.373)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	17.452.011.951
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.216.040.000)	(22.754.304.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.194.544.957	(8.344.836.733)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(3.923.834.255)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		354.960.631	380.802.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		354.960.631	(3.543.031.278)

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		107.476.729.295	137.310.038.101
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(128.220.160.995)	(122.215.348.342)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.842.505.075)	(4.660.155.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.585.936.775)	10.434.534.759
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		17.963.568.813	(1.453.333.252)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.060.343.892	12.512.607.684
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		233.127	1.069.460
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	29.024.145.832	11.060.343.892

Người lập biểu

Adn

Nguyễn Anh Dũng

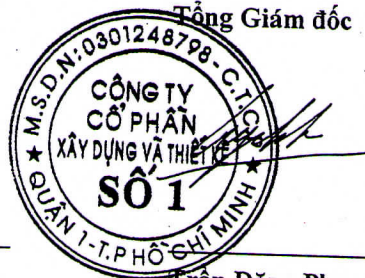
Tp.HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Truc Mai

Nguyễn Trúc Mai

Tổng Giám đốc



Trần Đăng Phan

4/1
Y
TU
JV
ÉT
TOÁ
ÉT
SC

Quý cơ quan đơn vị, các Quý cổ đông và nhà đầu tư vui lòng đến trang web của Công ty: www.decofi.vn để xem toàn văn báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016.

Trân trọng!

Tp Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2017
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ĐĂNG PHAN